

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Báo cáo Tài chính - Công ty mẹ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét:	05 - 36
Bảng cân đối kế toán	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính - Công ty mẹ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT - TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cấn Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cấn Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính - Công ty mẹ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính - Công ty mẹ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính - Công ty mẹ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính - Công ty mẹ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính - Công ty mẹ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính - Công ty mẹ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính - Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính - Công ty mẹ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính - Công ty mẹ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính - Công ty mẹ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0744-2013-002-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2013

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		132.645.047.919	149.644.575.062
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.063.643.805	62.353.873.772
111	1. Tiền		1.063.643.805	3.443.873.772
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.000.000.000	58.910.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.865.993.876	8.795.812.102
121	1. Đầu tư ngắn hạn		12.865.993.876	8.795.812.102
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		38.142.338.138	39.234.552.038
131	1. Phải thu khách hàng		36.200.649.067	36.069.238.168
132	2. Trả trước cho người bán		484.478.465	437.627.811
135	3. Các khoản phải thu khác	5	3.220.498.205	4.432.113.338
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.763.287.599)	(1.704.427.279)
140	IV. Hàng tồn kho	6	40.142.867.550	36.783.040.881
141	1. Hàng tồn kho		42.575.983.976	39.216.157.307
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.433.116.426)	(2.433.116.426)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.430.204.550	2.477.296.269
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.337.713.596	781.732.308
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	-	371.857.914
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.092.490.954	1.323.706.047

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.162.772.781	12.676.521.979
220	II . Tài sản cố định		459.877.622	725.789.040
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	459.877.622	694.114.036
222	- Nguyên giá		2.636.653.911	2.941.300.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.176.776.289)	(2.247.186.948)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	31.675.004
228	- Nguyên giá		-	101.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(70.124.996)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	4.529.000.000	3.830.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.100.000.000	3.080.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		3.429.000.000	750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.173.895.159	8.120.732.939
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.088.895.159	8.035.732.939
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	85.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		144.807.820.700	162.321.097.041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		26.279.736.053	36.526.582.841
310	I. Nợ ngắn hạn		26.233.736.053	36.480.582.841
312	1. Phải trả người bán		21.229.086.997	32.630.825.821
313	2. Người mua trả tiền trước		77.178.028	37.775.128
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	355.822.233	276.222.822
315	4. Phải trả người lao động		458.316.707	1.261.859.769
316	5. Chi phí phải trả	15	3.355.465.126	1.351.865.662
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	436.557.383	211.211.550
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		321.309.579	710.822.089
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	46.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		118.528.084.647	125.794.514.200
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	118.528.084.647	125.794.514.200
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252.296.518)	(252.296.518)
414	3. Cổ phiếu quỹ		(5.375.281.011)	(4.090.206.866)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		14.778.425.126	14.778.425.126
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.587.889.680	1.545.315.226
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.594.507.370	11.618.437.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		144.807.820.700	162.321.097.041

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		1.180.209.312	433.058.764
2. Nợ khó đòi đã xử lý		398.797.116	398.797.116

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	44.612.516.272	51.536.867.410
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	64.012.440	45.195.330
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	44.548.503.832	51.491.672.080
11	4. Giá vốn hàng bán	21	34.312.570.825	39.861.913.217
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.235.933.007	11.629.758.863
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.672.255.014	5.563.458.318
22	7. Chi phí tài chính		-	25.932.808
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng	23	5.035.741.311	6.301.190.263
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.721.899.339	3.591.421.160
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.150.547.371	7.274.672.950
31	11. Thu nhập khác	25	28.725.000	28.769.163.591
32	12. Chi phí khác	26	-	12.578.328.457
40	13. Lợi nhuận khác		28.725.000	16.190.835.134
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.179.272.371	23.465.508.084
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	921.826.969	5.817.466.408
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.257.445.402	17.648.041.676

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		44.694.439.048	47.688.065.377
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(48.749.538.449)	(45.003.509.220)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.455.879.826)	(4.416.548.426)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(276.313.075)	(5.239.630.887)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.396.918.170	864.228.045
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.048.465.011)	(1.028.226.729)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.438.839.143)	(7.135.621.840)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(60.536.364)	(260.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		9.725.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.534.429.190)	(5.700.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.965.247.416	549.468.626
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.800.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.833.865.459	6.115.171.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.986.127.679)	704.639.645
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	1. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.285.074.145)	(187.895.040)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.580.189.000)	(5.491.851.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.865.263.145)	(5.679.746.440)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**(Theo phương pháp trực tiếp)**(Tiếp theo)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(23.290.229.967)	(12.110.728.635)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		62.353.873.772	71.549.722.915
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>39.063.643.805</u>	<u>59.438.994.280</u>

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ- BGD&ĐT- TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.210.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 /04/2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY MẸ

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Đối với chi phí bán thảo Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán. Trong trường hợp ngược lại sẽ không thực hiện hạch toán điều chỉnh giá vốn hàng bán.

Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa Giá xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng

quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Công ty có hai loại thuế suất Thuế TNDN là 10% và 25%. Phần thu nhập của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% bao gồm: Thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản theo Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 và thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản. Các phần thu nhập khác ngoài các hoạt động được hưởng thuế suất ưu đãi 10% của Công ty thì được tính thuế suất 25%.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	297.355.847	380.636.170
Tiền gửi ngân hàng	766.287.958	3.063.237.602
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	58.910.000.000
	39.063.643.805	62.353.873.772

Chi tiết các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại 30/06/2013, như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - PGD Nghĩa Tân	2.000.000.000	13.910.000.000
- Ngân hàng Maritime Bank - Sở Giao dịch 44 Nguyễn Du	36.000.000.000	45.000.000.000
	38.000.000.000	58.910.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ^[1]	170.380.441	290.627.857
Đầu tư ngắn hạn khác	12.695.613.435	8.505.184.245
- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay ^[2]	4.705.184.245	4.705.184.245
- Cho Công ty CP In và Phát hành sách Việt Nam vay ^[3]	1.455.000.000	2.300.000.000
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay ^[4]	500.000.000	1.500.000.000
- Cho Ông Bùi Văn Quân vay ^[5]	200.000.000	-
- Cho Công ty CP Đầu tư và PT trường PTCNGD vay ^[6]	1.835.429.190	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	4.000.000.000	-
	12.865.993.876	8.795.812.102

^[1] Là khoản đầu tư chứng khoán EFI với số lượng tại thời điểm 30/06/2013 là 30.000 Cổ phiếu.

^[2] Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 20.000.000.000 VND;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 03 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Thời gian vay vốn gia hạn theo từng phụ lục của Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
- Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế; Bên cho vay xuất hóa đơn khoản lãi vay vốn hàng tháng;
- Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[3] Hợp đồng vay vốn số 01-2012/SGDHN ngày 03/01/2012 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 8.500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 01 năm, kể từ ngày chuyển tiền;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh In và Phát hành sách;
- Hình thức bảo đảm hợp đồng vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 17%/năm, lãi suất có thể thay đổi theo thị trường và sự thỏa thuận của các bên;

- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[4] Hợp đồng vay vốn số 20/SGDHN với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 15%/năm; có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[5] Hợp đồng vay vốn số 01-2013/SGDHN ngày 01/04/2013 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 200.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 01 năm; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Lãi suất: 12%/năm; có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[6] Hợp đồng vay vốn số 01/SGDHN ngày 27/03/2013 và Phụ lục ngày 12/06/2013 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 1.450.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư;
- Lãi suất: 13%/năm; có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	1.044.160.565	1.232.575.570
Phải thu khác	2.176.337.640	3.199.537.768
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	200.000.000	200.000.000
- Phải thu về tiền bán Cổ phiếu quỹ chưa về tài khoản	-	949.477.240
- Phải thu các đối tượng khác	60.837.640	134.560.528
	3.220.498.205	4.432.113.338

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662 m².
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.

^[2] Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.073.147.175	13.717.680.570
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.554.851.053	7.291.513.439
Thành phẩm	19.440.240.529	12.886.758.948
Hàng hoá	4.877.075.523	4.165.933.298
Hàng gửi đi bán	2.630.669.696	1.154.271.052
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.433.116.426)	(2.433.116.426)
	40.142.867.550	36.783.040.881

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	1.002.279.096	781.732.308
Chi phí trả trước khác	335.434.500	-
	1.337.713.596	781.732.308

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	371.857.914
	-	371.857.914

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	368.099.837	509.879.200
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	724.391.117	813.826.847
	1.092.490.954	1.323.706.047

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	62.632.856	2.324.544.145	554.123.983	2.941.300.984
Số tăng trong kỳ	11.809.091	-	48.727.273	60.536.364
- <i>Mua trong kỳ</i>	<i>11.809.091</i>		<i>48.727.273</i>	<i>60.536.364</i>
Số giảm trong kỳ	(62.632.856)	-	(302.550.581)	(365.183.437)
- <i>Giảm khác ^[1]</i>	<i>(62.632.856)</i>		<i>(302.550.581)</i>	<i>(365.183.437)</i>
Số dư cuối kỳ	11.809.091	2.324.544.145	300.300.675	2.636.653.911
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	39.912.887	1.739.544.587	467.729.474	2.247.186.948
Số tăng trong kỳ	5.018.583	171.412.854	30.402.262	206.833.699
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>5.018.583</i>	<i>171.412.854</i>	<i>30.402.262</i>	<i>206.833.699</i>
Số giảm trong kỳ	(44.931.470)	-	(232.312.888)	(277.244.358)
- <i>Giảm khác ^[1]</i>	<i>(44.931.470)</i>		<i>(232.312.888)</i>	<i>(277.244.358)</i>
Số dư cuối kỳ	-	1.910.957.441	265.818.848	2.176.776.289
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	22.719.969	584.999.558	86.394.509	694.114.036
Tại ngày cuối kỳ	11.809.091	413.586.704	34.481.827	459.877.622

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 521.792.445 VND.

^[1] Giám do điều chỉnh các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	101.800.000	101.800.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	(101.800.000)	(101.800.000)
- Giảm khác ^[1]	(101.800.000)	(101.800.000)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	70.124.996	70.124.996
Số tăng trong kỳ	7.480.002	7.480.002
- Khấu hao trong kỳ	7.480.002	7.480.002
Số giảm trong kỳ	(77.604.998)	(77.604.998)
- Giảm khác ^[1]	(77.604.998)	(77.604.998)
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	31.675.004	31.675.004
Tại ngày cuối kỳ	-	-

^[1] Giảm do điều chỉnh các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là Tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.100.000.000	3.080.000.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ^[1]	-	1.980.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	1.100.000.000	1.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	3.429.000.000	750.000.000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ^[1]	180.000.000	-
- Tiền ủy thác đầu tư cho Ông Phạm Mạnh Thắng ^[2]	2.499.000.000	-
	4.529.000.000	3.830.000.000

^[1] Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/HĐQT - SDGHN ngày 10/03/2013, Công ty thực hiện thoái vốn và chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng theo các hợp đồng sau:

a. Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần Công ty Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ngày 20/03/2013 với những nội dung như sau:

- Bên nhận chuyển nhượng: Ông Nguyễn Đình San;
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 10.000 cổ phần;
- Giá bán: 18.000 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị hợp đồng: 180.000.000 VND.

b. Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần Công ty Sách và Thiết bị trường học Tại Cao Bằng ngày 20/03/2013 với những nội dung như sau:

- Bên nhận chuyển nhượng: Ông Trần Đức Hậu;
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 90.000 cổ phần;
- Giá bán: 18.000 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị hợp đồng: 1.620.000.000 VND.

^[2] Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2013 ngày 08/05/2013 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền: 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 02 năm tính từ thời điểm chuyển tiền;
- Phí ủy thác đầu tư: 0,5%/năm tính trên tổng giá trị ủy thác;

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Hà Nội	100%	100%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP...

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/06/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục là 50 tỷ VND. Theo Biên bản làm việc ngày 18/06/2010, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội sẽ thực hiện góp vốn bằng 65% Vốn điều lệ tương ứng với số tiền: 32,5 tỷ VND. Tuy nhiên, tại thời điểm 30/06/2013 mới chỉ có duy nhất Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội thực hiện góp vốn với số tiền là 1,1 tỷ VND và trực tiếp tham gia điều hành. Do đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm 30/06/2013 được xác định là 100%.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.035.732.939	6.883.016.766
Số tăng trong kỳ	4.189.720.995	4.484.086.058
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(5.136.558.775)	(7.041.456.077)
Giảm khác	-	(269.031.920)
Số dư cuối kỳ	7.088.895.159	4.056.614.827

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bán thảo	2.117.567.316	4.030.051.121
Chi phí thuê kho tại KCN Nam Thăng Long	3.801.136.364	4.005.681.818
Chi phí Cửa hàng 116 Cầu Giấy	1.016.578.938	-
Chi phí sửa chữa tại 232 Tây Sơn	41.478.460	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	112.134.081	-
	7.088.895.159	8.035.732.939

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.052.473	137.317.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	273.655.980	-
Thuế thu nhập cá nhân	66.113.780	138.905.411
	355.822.233	276.222.822

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	157.718.976	1.124.544.150
Chi phí bán thảo và phí phát hành	230.180.055	139.857.582
Trích trước chi phí bảo trì cập nhật phần mềm	-	50.000.000
Chi phí phải trả khác	-	37.463.930
Trích trước phí quản lý xuất bản	388.320.920	-
Trích trước phí thầu và nhuận bút sách liên kết	2.579.245.175	-
	3.355.465.126	1.351.865.662

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.181.424	85.659.785
Bảo hiểm xã hội	85.865.863	-
Bảo hiểm y tế	29.706.180	-
Bảo hiểm thất nghiệp	10.907.004	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	278.896.912	125.551.765
- <i>Phải trả Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect</i>	<i>133.350.147</i>	-
- <i>Cổ tức phải trả chủ sở hữu</i>	<i>36.479.600</i>	<i>16.484.600</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>109.067.165</i>	<i>109.067.165</i>
	436.557.383	211.211.550

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	(765.000.000)	(6.550.527.860)	2.778.425.126	1.423.463.735	10.581.696.014	109.662.897.015
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(187.895.040)	-	-	-	(187.895.040)
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	17.648.041.676	17.648.041.676
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(9.198.784.000)	(9.198.784.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	55.180.689	(55.180.689)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(827.710.333)	(827.710.333)
Số dư cuối kỳ trước	102.194.840.000	(765.000.000)	(6.738.422.900)	2.778.425.126	1.478.644.424	18.148.062.668	117.096.549.318
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	(252.296.518)	(4.090.206.866)	14.778.425.126	1.545.315.226	11.618.437.232	125.794.514.200
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.285.074.145)	-	-	-	(1.285.074.145)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	4.257.445.402	4.257.445.402
Trả cổ tức năm 2012 ^[1]	-	-	-	-	-	(9.600.184.000)	(9.600.184.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	42.574.454	(42.574.454)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(638.616.810)	(638.616.810)
Số dư cuối kỳ này	102.194.840.000	(252.296.518)	(5.375.281.011)	14.778.425.126	1.587.889.680	5.594.507.370	118.528.084.647

^[1]Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 71/SGDHN ngày 25/04/2013 đã thông qua tỷ lệ trả cổ tức năm 2012 là 10%/Cổ phần, tương đương số tiền: 9.600.184.000 VND.

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 theo tỷ lệ phân phối của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 71/SGDHN ngày 25/04/2013, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		4.257.445.402
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	1%	42.574.454
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	638.616.810
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		3.576.254.138

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Cổ phiếu quỹ	7.805.000.000	7,64%	6.193.000.000	6,06%
Vốn góp của đối tượng khác	88.461.840.000	86,56%	96.266.840.000	94,20%
- Ông Peter Eric Dennis	6.812.000.000	6,67%	-	0,00%
- Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	10.000.000.000	9,79%	-	0,00%
- Mekong Porfolio investments limited	5.890.000.000	5,76%	-	0,00%
- Các đối tượng khác	65.759.840.000	64,35%	67.371.840.000	65,92%
	102.194.840.000	100,00%	102.194.840.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.600.184.000	9.198.784.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.600.184.000	9.198.784.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	780.500	619.300
- Cổ phiếu phổ thông	780.500	619.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.438.984	9.600.184
- Cổ phiếu phổ thông	9.438.984	9.600.184
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.579.789.000	51.504.140.138
- Doanh thu Sách Giáo khoa	445.865.870	670.448.362
- Doanh thu Sách Tham khảo	31.387.234.760	40.814.547.948
- Doanh thu Sách Bổ trợ	10.728.765.909	8.610.330.462
- Doanh thu thiết bị giáo dục	412.477.294	94.411.429
- Doanh thu bán vật tư	54.847.928	438.891.226
- Doanh thu Văn phòng phẩm	1.550.597.239	875.510.711
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	32.727.272
	44.612.516.272	51.536.867.410

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại: Sách tham khảo	64.012.440	45.195.330
	64.012.440	45.195.330

20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	44.515.776.560	51.458.944.808
- Doanh thu Sách Giáo khoa	445.865.870	670.448.362
- Doanh thu Sách Tham khảo	31.323.222.320	40.769.352.618
- Doanh thu Sách Bổ trợ	10.728.765.909	8.610.330.462
- Doanh thu thiết bị giáo dục	412.477.294	94.411.429
- Doanh thu bán vật tư	54.847.928	438.891.226
- Doanh thu Văn phòng phẩm	1.550.597.239	875.510.711
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.727.272	32.727.272
	44.548.503.832	51.491.672.080

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	34.312.570.825	39.861.913.217
- Giá vốn Sách Giáo khoa	357.744.473	732.659.964
- Giá vốn Sách Tham khảo	27.275.573.043	31.087.910.103
- Giá vốn Sách Bổ trợ	5.076.815.424	6.889.415.380
- Giá vốn thiết bị giáo dục	400.009.344	92.515.238
- Giá vốn bán vật tư	52.216.121	441.501.786
- Giá vốn Văn phòng phẩm	1.150.212.420	617.910.746
	34.312.570.825	39.861.913.217

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.506.950.454	5.351.458.318
Lãi bán cổ phiếu	26.804.560	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	138.500.000	212.000.000
	2.672.255.014	5.563.458.318

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.219.245.194	3.050.561.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.070.176	94.576.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.635.779	107.133.270
Chi phí khác bằng tiền	2.584.790.162	3.048.919.419
	5.035.741.311	6.301.190.263

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.104.560.526	1.549.401.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.243.525	132.807.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.305.411	240.483.485
Chi phí khác bằng tiền	1.223.929.557	1.562.690.633
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	58.860.320	106.037.925
	2.721.899.339	3.591.421.160

25. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.725.000	28.751.625.500
Thu nhập khác	19.000.000	17.538.091
	28.725.000	28.769.163.591

26. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	12.410.851.184
Các chi phí liên quan thanh lý Tài sản cố định	-	167.477.273
	-	12.578.328.457

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.179.272.371	23.465.508.084
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(27.639.680)	(195.642.454)
Các khoản điều chỉnh tăng	110.860.320	16.357.546
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi hồ sơ chưa đầy đủ	58.860.320	-
- Chi phí không hợp lệ	-	16.357.546
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	52.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(138.500.000)	(212.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(138.500.000)	(212.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	5.151.632.691	23.269.865.630
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế 25%	677.772.833	5.817.466.408
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế 10%	244.054.136	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	921.826.969	5.817.466.408
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	(579.000.000)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(371.857.914)	1.653.672.121
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(276.313.075)	(5.239.630.887)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	273.655.980	1.652.507.642

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.093.357.886	12.305.799.000
Chi phí nhân công	3.323.805.720	4.599.963.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.313.701	227.383.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.710.029.180	14.465.920.866
Chi phí khác bằng tiền	3.808.719.719	4.611.610.052
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	58.860.320	106.037.925
	36.209.086.526	36.316.714.534

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.063.643.805	-	62.353.873.772	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.421.147.272	(1.763.287.599)	40.501.351.506	(1.704.427.279)
Các khoản cho vay	12.695.613.435	-	8.505.184.245	-
Đầu tư ngắn hạn	170.380.441	-	290.627.857	-
Đầu tư dài hạn	3.429.000.000	-	750.000.000	-
	94.779.784.953	(1.763.287.599)	112.401.037.380	(1.704.427.279)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	21.711.644.380	32.888.037.371
Chi phí phải trả	3.355.465.126	1.351.865.662
	25.067.109.506	34.239.903.033

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.063.643.805	-	-	39.063.643.805
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.657.859.673	-	-	37.657.859.673
Các khoản cho vay	12.695.613.435	-	-	12.695.613.435
Đầu tư ngắn hạn	170.380.441	-	-	170.380.441
Đầu tư dài hạn	-	3.429.000.000	-	3.429.000.000
Cộng	89.587.497.354	3.429.000.000	-	93.016.497.354
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.353.873.772	-	-	62.353.873.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.796.924.227	-	-	38.796.924.227
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	-	8.505.184.245
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	290.627.857
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	109.946.610.101	750.000.000	-	110.696.610.101

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	21.665.644.380	46.000.000	-	21.711.644.380
Chi phí phải trả	3.355.465.126	-	-	3.355.465.126
	25.021.109.506	46.000.000	-	25.067.109.506
Tại ngày 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	32.842.037.371	46.000.000	-	32.888.037.371
Chi phí phải trả	1.351.865.662	-	-	1.351.865.662
	34.193.903.033	46.000.000	-	34.239.903.033

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	732.242.717	814.551.798

Là các khoản tiền theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở giao dịch và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Theo lĩnh vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	14.529.101	29.788.675
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Đơn vị nhận vốn góp	168.560.005	424.577.685
Cổ tức được chia			
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Đơn vị nhận vốn góp	-	77.000.000
Mua hàng hóa dịch vụ			
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Nhà XBGD VN	150.401.250	230.440.000
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Nhà XBGD VN	-	6.571.428
Lãi vay phải thu			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Ảnh hưởng đáng kể	275.551.139	506.629.084
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Đơn vị nhận vốn góp	7.706.065	2.465.754

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	526.963.120	818.937.851
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Đơn vị nhận vốn góp	237.937.910	369.377.905
Phải trả			
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà nội	Đơn vị trực thuộc Nhà XBGD VN	1.077.818.589	10.383.600
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Nhà XBGD VN	148.002.860	148.002.860
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Đơn vị nhận vốn góp	26.631.047	26.631.047
Nhà xuất bản giáo dục tại TP HCM	Đơn vị trực thuộc Nhà XBGD VN	75.563.700	75.563.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	974.321.274	726.376.747

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh lại do việc thay đổi mức thuế suất từ 25% xuống 10% đối với hoạt động xuất bản theo hướng dẫn của thông tư 123/2012/BTC-TT ngày 27/07/2012 và theo hướng dẫn tại Công văn số 6833/BTC-CST về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản của Bộ Tài chính ngày 29/05/2013, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán			
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154	371.857.914	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	276.222.822	459.804.520
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	710.822.089	627.506.147
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.545.315.226	1.539.760.830
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11.618.437.232	11.151.867.958

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập